

Bản án số: 58/2021/HS-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Bình

Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An, ông Nguyễn Quang Bằng
và bà Bùi Thị Bích Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vinh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2021/TLST-HS ngày 30 tháng
7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HS
ngày 17 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1985 tại Vinh Phúc; nơi đăng
ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Y, xã P, huyện Y1, tỉnh Vinh Phúc; nghề
nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;
tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy Q và bà Trần Thị
B, vợ là Đỗ Thị N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam
từ ngày 15/4/2021 cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D: Ông Nguyễn Văn H, Luật sư,
Văn phòng Luật sư S, Đoàn Luật sư tỉnh Vinh Phúc; địa chỉ: Đường NT,
phường L, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc (có mặt).

Bị hại: Bà Trần Thị X, sinh ngày 17/3/1969; trú tại: Thôn Y, xã P, huyện
Y1, tỉnh Vinh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời cũng là người làm chứng
trong vụ án: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Y, xã P, huyện Y1, tỉnh
Vinh Phúc (là vợ của bị cáo D, có mặt).

Người làm chứng: Ông Lê Văn L1, sinh năm 1968; trú tại: Thôn Y, xã P,
huyện Y1, tỉnh Vinh Phúc (là chồng của bà X, có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung
vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2020, Nguyễn Văn D xây dựng nhà ở liền kề với khuôn viên đất
của gia đình bà Trần Thị X ở cùng thôn Y, xã P, huyện Y1, tỉnh Vinh Phúc. Quá

trình D xây dựng, bà X cho rằng D đã lấn chiếm sang phần đất của nhà bà X nên bà X không cho thợ xây đứng trên phần đất của nhà bà X để trát phần tường bên ngoài nhà D, dẫn đến hai bên mâu thuẫn. Sự việc đã được chính quyền thôn Y và xã P đến hòa giải nhưng gia đình bà X vẫn không đồng ý. Khoảng 10 giờ ngày 19/02/2021, D đi uống rượu tại nhà anh họ là Nguyễn Văn T ở cùng thôn, sau đó tiếp tục sang nhà anh Trần Văn H1 ở cùng thôn Y để uống bia. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, D ra về. Trên đường về nhà, D nhớ đến mâu thuẫn với gia đình bà X nên một mình đi bộ đến nhà bà X để nói chuyện. Đến nơi, D gặp chồng bà X là ông Lê Văn L1, đồng thời yêu cầu ông L1 phải lắp máng nước vào mái tôn nhà ông L1 để nước mưa không chảy, ngấm vào tường nhà của D, thì ông L1 đồng ý nên D đi về nhà mình. Khoảng 30 phút sau, D quay lại nhà bà X, D thấy bà X đang nằm nghỉ ở phòng khách nên đã đi đến ngồi ghế cạnh đó làm bà X tỉnh dậy. Thấy D, bà X nói: “*D ơi, D bảo cô gì đấy*”. Do tức giận về việc mâu thuẫn đất đai từ trước nên D nói với bà X: “*Tao không cô cháu gì với mày, hôm nay tao giết mày*”, nói xong D đi về nhà. Ông L1 nghe thấy vậy nên đi theo D và nói: “*D ơi mày đừng giết cô để cô còn nuôi chú, nếu giết thì giết chú đây này*”. D đi vào trong gian bếp nhà D lấy 01 con dao phay, chuôi bằng gỗ, thân dao bằng kim loại, có lưỡi sắc, dài 36cm cầm bằng tay trái là tay thuận của D đi sang nhà bà X. Thấy D cầm dao đi vào nhà, ông L1 nhìn thấy nhưng do sức khỏe yếu, chậm nên không can ngăn được D. Còn bà X đang đứng ở hiên nhà, thấy D cầm dao đi vào đến cổng, bà X hoảng sợ bỏ chạy vào gian buồng nhà có cửa thông ra đường ngõ xóm, định mở cửa để bỏ chạy thì D chạy đến vị trí của bà X, lúc này bà X chưa kịp mở cửa. Khi còn cách bà X khoảng 50cm, D cầm dao vung lên chém hướng phần lưỡi sắc theo hướng từ trên xuống dưới, từ trái qua phải về phía bà X. Do không mở được cửa, không có lối thoát nên bà X đã giơ 02 tay lên ôm đầu để đỡ thì bị D chém trúng vào cẳng tay trái. D tiếp tục vung dao lên chém liên tiếp 02 nhát theo hướng từ trên xuống dưới, từ trái qua phải, phần lưỡi sắc trúng vào mặt, sống mũi và đầu của bà X. Thấy D cầm dao từ nhà sang và chém bà X thì chị Đỗ Thị N (là vợ của D) chạy theo can ngăn, giằng con dao từ tay của D và kéo D về nhà, sau đó chị Nghệ quay lại nhà bà X để cùng mọi người đưa bà X đi cấp cứu. Về nhà, D nghĩ bà X chết phải đền tội nên đã lấy một con phay khác của gia đình rồi nằm trên chiếc chiếu trải ở sân nhà, D cầm dao phay ở tay trái cắt vào cổ tay phải của mình, lúc này chị Nghệ đi từ nhà bà X về thấy vậy nên đã băng bó vết thương và đưa D đến Trung tâm y tế huyện Y1 để cấp cứu.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, khám xét thương tích của bà X, thực nghiệm điều tra phù hợp với nội dung đã nêu trên.

Về vật chứng đã thu giữ: 01 con dao dài 36cm, chuôi dao bằng gỗ dài 11cm, thân dao bằng kim loại cong vênh; 01 con dao, thân dao bằng kim loại dài 25cm, bản rộng nhất 06cm, chuôi dao bằng gỗ dài 10cm; 01 chiếc cói đã qua sử dụng; mẫu tóc ghi thu của bà Trần Thị X và Nguyễn Văn D, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu D1 và X1; chất dịch màu nâu đỏ thu giữ tại hiện trường; 01 thẻ nhớ MicroSD màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam

sung Galaxy A51, số IMEI 1: 352353112153017; IMEI 2: 352354112153015 đã qua sử dụng.

Tại Kết luận giám định số: 71/KLGD ngày 22/02/2021, Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận về thương tích của bà X như sau: *“Gãy xương gò má phải xếp 09%; vết thương vùng mặt phải, mũi (hiện tại vết thương chưa cắt chỉ) xếp 06%; vết thương phần mềm vùng trán đỉnh lệch trái kích thước trung bình xếp 02%; Hiện tại nạn nhân đang điều trị, khi nào ổn định ra viện giám định bổ sung. Cơ chế hình thành vết thương do vật sắc nhọn gây nên. Vết thương vùng mặt phải, mũi hướng từ trên xuống dưới, từ mặt trước sâu vào trong. Vết thương đầu và vết thương cẳng tay trái còn băng cố định không mở được vết thương nên chưa xác định được chiều hướng của vết thương, khi nào tháo băng giám định bổ sung sau. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là 16%”.*

Tại Kết luận giám định bổ sung về thương tích số: 121 ngày 01/4/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận về thương tích của bà X như sau:

“Gãy xương gò má phải xếp 09%; sẹo vết thương phần mềm từ vùng má phải đến đuôi mắt phải qua sống mũi đến cánh mũi trái kích thước trung bình xếp 06%; sẹo vết thương phần mềm dưới 2/3 dưới mặt sau cẳng tay trái kích thước lớn xếp 03%; sẹo vết thương phần mềm trán đỉnh lệch trái, kích thước trung bình xếp 02%; bán phần trước bình thường, thủy tinh thể trong, dịch kính vẫn đục, đáy mắt chưa phát hiện tổn thương, xếp 00%; sẹo vùng mặt, sẹo xấu ảnh hưởng thẩm mỹ, vết thương cẳng tay trái còn tê, vùng sẹo không có trong danh mục xếp tỷ lệ phần trăm thương tích; điện não đồ ngày 29/3/2021 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc, bản ghi chưa phát hiện bất thường xếp 00%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là 19%”.

Tiến hành giám định kỹ thuật số điện tử đối với thẻ nhớ bên trong camera nhà D. Tại Kết luận giám định số: 499/KLGD ngày 01/03/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *“Chụp được 09 ảnh diễn biến liên quan đến đối tượng mặc áo xanh, xuất hiện tại thời điểm 12:52:32 ngày 19/2/2021 và đối tượng mặc áo đỏ xuất hiện tại thời điểm 12:58:44 ngày 19/12/2021 (thời gian hiển thị trên video) từ các video lưu trong thẻ nhớ gửi giám định, ảnh chụp được in vào một bản ảnh giám định; sao lưu 02 tệp tin video có thời gian từ 12h30 đến 11h30 ngày 19/2/2021 (theo thời gian hiển thị trên video) lưu trong thẻ nhớ gửi giám định vào 01 đĩa DVD”.*

Tiến hành giám định gen ADN (giám định chất nghi là máu trên con dao mà D chém bà X và giám định tế bào lưu lại trên con dao mà D tự cắt tay mình). Tại Kết luận giám định số: 1969-TT3 ngày 13/4/2021, Viện Khoa học kỹ thuật hình sự - Bộ Công an đã kết luận:

“1. Không phát hiện thấy máu người trên con dao ghi do bà Trần Thị B, SN 1959, trú tại thôn 8, Y, xã P, huyện Y1, tỉnh Vĩnh Phúc giao nộp (ký hiệu M1). Trên con dao này có ADN của Nguyễn Văn D.

2. Trên con dao ghi thu tại hiện trường (ký hiệu M2) có bầm dính máu của Trần Thị X và lông, tóc người. Do mẫu lông, tóc này không có gốc nên không tiến hành giám định ADN.

3. Lưu kiểu gen của Trần Thị X và Nguyễn Văn D tại Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an”.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị X yêu cầu D phải bồi thường tiền chi phí thuốc men điều trị và thiệt hại về sức khỏe là 100.000.000đ, đến nay D đã nhờ gia đình bồi thường cho bà X được 45.000.000đ. Bà X có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho D.

Tại Cáo trạng số: 60/VKS-P2 ngày 28/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Nguyễn Văn D về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn D khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn D vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên. xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Đối với phần bồi thường dân sự, bị cáo D nhất trí với yêu cầu của bà X, đồng ý bồi thường cho bà X tổng số tiền 145.000.000đ. Đã bồi thường được 45.000.000đ, còn 100.000.000đ bị cáo sẽ tác động với gia đình bồi thường đầy đủ cho bà X.

Bị hại, bà Trần Thị X xác nhận sự việc như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D. Còn về phần trách nhiệm dân sự, yêu cầu bị cáo D phải bồi thường tổng số tiền là 145.000.000đ, vợ bị cáo D là chị N đã bồi thường được 45.000.000đ, nay bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn thiếu là 100.000.000đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Đỗ Thị N xác nhận đã bồi thường cho bà X số tiền 45.000.000đ, việc bồi thường này là do có sự tác động của bị cáo D, nguồn tiền để bồi thường là tài sản chung do vợ chồng tích cóp mà có, nay chị Nghệ không yêu cầu bị cáo D phải bồi hoàn.

Người làm chứng là chị Đỗ Thị N và ông Lê Văn L1 khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 585, 490 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường cho bà Trần Thị X số tiền 145.000.000đ. Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn D đã bồi thường được số tiền 45.000.000đ, bị cáo Nguyễn Văn D còn phải bồi thường tiếp số tiền là 100.000.000đ. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 02 con dao phay, 01 chiếc

cói, mẫu tóc, mẫu máu; trả lại chị Đỗ Thị N 01 thẻ nhớ camera; trả lại bị cáo D 01 điện thoại di động bên trong có lắp 2 thẻ sim nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Văn D có quan điểm: Chỉ vì tranh chấp dân sự, bị cáo D có hành vi dùng dao sắc là loại hung khí nguy hiểm chém vào vùng trọng yếu của cơ thể bị hại nên Cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố, xét xử bị cáo về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo D đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, đã tác động với gia đình để bồi thường theo yêu cầu của bị hại, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn D nhất trí với bản luận cứ bào chữa nêu trên, đồng thời không bào chữa bổ sung gì khác. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì khác.

Trong phần đối đáp một lần nữa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị tại Bản luận tội nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định hình phạt theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Xuất phát từ việc tranh chấp đất đai giữa gia đình nhà Nguyễn Văn D và gia đình bà Trần Thị X là hàng xóm của nhau, khoảng 12 giờ ngày 19/02/2021, tại gia đình bà Trần Thị X ở thôn Y, xã P, huyện Y1, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo Nguyễn Văn D đã có hành vi dùng dao phay có lưỡi sắc (thân dao bằng kim loại dài 36cm, chuôi dao bằng gỗ dài 11cm) chém liên tiếp 03 nhát trúng vào mặt, vào đầu và cẳng tay của bà X, mục đích nhằm giết chết bà X. Hậu quả làm bà X

bị thương tích căng tay trái, tổn thương phức tạp vùng mặt, vùng đầu, tổng tổn hại sức khỏe 19%.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn D đã phạm tội “Giết người”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Chỉ vì mâu thuẫn dân sự, bị cáo đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm chém nhiều nhất vào các vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại, do đó hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “*Có tính chất côn đồ*”, theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo là người đã thành niên, bản thân có sức khỏe và có hiểu biết nhất định về pháp luật nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân dẫn đến phạm tội. Trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự, nhưng hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ mục đích của tội phạm là nhằm giết chết bị hại, bị hại không chết là do những nguyên nhân khách quan ngoài ý chí chủ quan của bị cáo. Mặt khác, tội phạm được thực hiện một cách quyết liệt, thể hiện tính côn đồ hung hãn, trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm sang tận nhà của bị hại để truy sát. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà mình đã gây ra.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tác động với gia đình để bồi thường theo yêu cầu của người bị hại”. Ngoài ra “Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”, đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

Xét thấy: Bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào, phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, tỷ lệ thương tích của bị hại là 19%, quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại liên tục xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, việc áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội là cần thiết, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm. Xét thấy, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung; mặc khác việc áp

dụng hình phạt chính là phạt tù một thời gian dài đã là nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa giữa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường, tổng số tiền bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm là 145.000.000đ. Bị cáo đã bồi thường được 45.000.000đ, còn lại phải bồi thường tiếp số tiền còn thiếu là 100.000.000đ. Xét thấy, thỏa thuận nêu trên của các bên là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vật chứng: Đối với 02 con dao phay, 01 chiếc còi, mẫu tóc và mẫu máu còn lại sau giám định không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo, vật chứng này không liên lạc vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo. Đối với 01 thẻ nhớ camera thu giữ của gia đình bị cáo, vật chứng này không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho chủ sở hữu là chị N nhận lại.

[8] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Giết người”.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 10 (mười) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 15/4/2021).

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 591; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm cho bà Trần Thị X số tiền 145.000.000đ. Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn D đã bồi thường được số tiền 45.000.000đ, bị cáo Nguyễn Văn D còn phải bồi thường tiếp số tiền còn thiếu là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 01 chiếc còi đã qua sử dụng đựng trong bao tải, 02 con dao phay, mẫu tóc trả sau giám định của bà Trần Thị X và Nguyễn Văn D, chất dịch màu nâu đỏ được thấm vào tấm bông; trả lại chị Đỗ Thị N 01 thẻ nhớ Micro SD màu đen; trả lại bị cáo Nguyễn Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A51 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Đặc điểm tang vật như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 13/8/2021).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Nguyễn Văn D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí dân sự trong hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại giam CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Thi hành án dân sự, hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Hình sự, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Đỗ Thế Bình